

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 -2025 LỚP MẪU GIÁO GHÉP 3+5 TUỔI

Căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường.

Căn cứ vào tình hình thực tế của lớp, bản thân tôi xây dựng kế hoạch giáo dục năm học lớp MGG 3-5 tuổi Xa Công như sau:

1. Mục tiêu, nội dung.

ST T	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Chủ đề
			Chung	Riêng	
1. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT					
a) Phát triển vận động					
1	3	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	* 3,5T: Hô hấp: Hít vào, thở ra. ` Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên ` Co và duỗi tay/ từng tay kết hợp kiễng chân 5T	` Bắt chéo 2 tay trước ngực ` Bước lên phía trước, bước sang ngang. ` Co duỗi chân. ` Cúi về phía trước ` Ngồi xổm, đứng lên. ` Bật tại chỗ	1->9
2	5	- Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	` Quay sang trái, sang phải (5T: kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái) ` Nghiêng người sang trái, sang phải, 5T: Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.	` Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. ` Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. ` Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. ` Ngửa người ra sau (5T: kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái)	
3	3	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp(3m x0,3m).		` Đi kiễng gót 3m, 5m (1,5) ` Đi trong đường hẹp. (2) ' Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát (6) ` Bật tại chỗ 3 lần, 5	1->9

		- Đi kiễng gót liên tục 3m.		lần (4, 5) ` Batal về phía trước (2,9) ' Batal tiên về phía trước Batal qua ô vòng, batal qua vạch kẻ) (6,7) ' Batal xa 20- 25cm (3,8)	
4	5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. ` Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. ` Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây		` Đi khuyu gối. (1) ' Đi bằng mép ngoài bàn chân. (5) ` Đi trên dây (Dây đặt trên sàn). (7) ` Đi trên ván kê dốc. (8) ' Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát (6) ' Đi nổi bàn chân tiến lùi (2) ' Nhảy lò cò 3-5 m (7) ` Batal liên tục vào vòng (2) ' Batal xa 40- 50cm (3,8) ` Batal nhảy từ trên cao xuống (40-45.) (5) ` Batal qua vật cản (15 - 20 cm) (6) ' Batal tách khớp chân qua 5-7 ô (4)	
5	3	Trẻ có thể kiểm soát được vận động: ` Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. ` Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	* 3,5 T: ` Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. (4) ` Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. (6)	' Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc.(7)	4,6,7
	5	Trẻ biết kiểm		' Đi thay đổi hướng	

6		soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).		đích dắc theo hiệu lệnh (7)	
7	3	Trẻ có thể phối hợp tay-mắt trong vận động: ` Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). ` Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm.	*3,5T: ` Ném trúng đích bằng 1 tay (đích đứng) (7) ' Ném trúng đích bằng 1 tay (đích ngang) (9) ` Ném xa bằng 1 tay. (3,9) ` Ném xa bằng 2 tay.(4)	` Lăn bắt bóng với cô. (1,7) ` Đập bắt bóng với cô. (6) ' Tung bắt bóng với cô (8)	1,3,4,6,7,8,9.
8	5	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: ` Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). ` Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). ` Đi, đập và bắt được bóng này 4-5 lần liên tiếp.		` Ném bắt bóng với người đối diện (6) ' Tung bắt bóng tại chỗ (8) ` Tung bóng lên cao và bắt bóng. (1) ` Đập và bắt bóng này 4-5 lần liên tiếp (9)	
9	3	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng		` Bò chui qua cổng. (5) ` Trườn theo hướng thẳng. (3) ` Trườn về phía trước.	

		<p>hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. ` Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). ` Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài 		<ul style="list-style-type: none"> (6) ' Trườn theo hướng đích dắc (8) ` Bước lên, xuống bậc cao 30cm. (7) ` Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. (5) ' Bò theo đường đích dắc (4) ' Bò theo hướng thẳng (1) ' Bò trong đường hẹp (9) ' Chạy chậm 40 -50m (9) ' Chạy 15m theo hướng thẳng (9) 	1,3,4,5,6,7,8,9
10	5	<p>Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. ` Ném trúng đích ngang (xa 2m). ` Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. 		<ul style="list-style-type: none"> ' Trèo lên xuống 7 gióng thang (6) ' Trườn kết hợp trèo qua ghề dài 1,5 x30cm (3) ' Bò đích dắc qua 7 điểm (4,8) ` Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m) (1) ` Bò chui qua ống dài (1,5m x 0,6m) (5) ' Bò theo đường đích dắc (7) ` Chạy chậm 100-120m (9) ' Chạy 18 m trong khoảng 10 giây (9) Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân (5) 	
11	3	<p>Trẻ thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Xoay tròn cổ tay. ` Gập, đan ngón tay vào 		<ul style="list-style-type: none"> ` Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. ` Đan, tết. 	1,2,4,5,6

		nhau.			
12	5	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. ` Gập, mở lần lượt từng ngón tay .			` Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. ` Bẻ nắn.`
13	3	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. ` Vẽ được hình tròn theo mẫu. ` Cắt thẳng được một đoạn 10cm. ` Xếp chồng 8-10 khối không đổ. ` Tự cài, cởi cúc.	* 3,5 tuổi ` Cài, cởi cúc. ` Xé , cắt(đường thẳng, đường vòng cung) ` Xâu, buộc dây		` Xếp chồng các hình khối khác nhau. ` Dán giấy. ` Sử dụng kéo, bút ` Tô vẽ nguệch ngoạc.
14	5	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: ` Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. ` Cắt được theo đường viền của hình vẽ. ` Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. ` Tự cài, cởi cúc, xâu dây			Lắp ráp ` Tô, đồ theo nét.

		giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya).			
b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.					
15	3	Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).		` Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc ở địa phương.	
16	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: ` Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... ` Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...		Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2,5,6
17	3	Trẻ có khả năng biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	* 3, 5 tuổi Nhận biết một số món ăn quen thuộc ở địa phương	Nhận biết tên một số món ăn quen thuộc.	
18	5	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...		` Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. ` Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	1,3, 4

19	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	` Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. ' Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống		2,6
20	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)		
21	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: ` Rửa tay, lau mặt, súc miệng. ` Tháo tất, cởi quần, áo....		' Làm quen cách đánh răng, lau mặt. ' Tập rửa tay bằng xà phòng. ' Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu, ăn ngủ, vệ sinh.	1,2,3,4
22	5	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. ` Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch ` Trẻ biết rửa		Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. ' Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	

		tay bằng xà phòng, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn			
23	3	` Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	` Tập/ luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách, thành thạo		1,2,3,4
24	5	` Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo			
25	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	` Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.		1,2,6
26	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. ` Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. ` Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. ` Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường			
27	3	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: ` Chấp nhận: Vệ sinh răng	* 3, 5 tuổi: ` Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. ` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm -		2,4,5,8

		miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. ` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	Cách phòng tránh đơn giản, Nguyên nhân và cách phòng tránh.		
28	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: ` Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. ` Ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. ` Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... ` Che miệng khi ho, hắt hơi. ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định. ` Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhỏ bậy ra lớp.		` Lựa chọn/ và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. ` Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	
29	3	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở	` Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.		3

30	5	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.			
31	3	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng.		8
32	5	Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.			
33	3	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: ` Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... ` Không tự lấy thuốc uống. ` Không leo trèo bàn ghế, lan can.	` Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ		1,3,8

		<ul style="list-style-type: none"> ` Không nghịch các vật sắc nhọn. ` Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. 		
34	5	<p>Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... ` Biết tránh một số trường hợp không an toàn.: <ul style="list-style-type: none"> + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo ` Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, 		

		gọi người lớn giúp đỡ.			
35	5	<p>Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. ` Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. ` Không leo trèo cây, ban công, tường rào... 		<p>` Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn</p>	1,7
36	5	Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng		<p>` Tập luyện kỹ năng: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng ' Biết chải đầu, vuốt tóc khi tóc rối, chỉnh sửa và giữ gìn quần áo sạch sẽ, gọn gàng hoặc khi được cô giáo nhắc 'Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. Ra nắng đội mũ nón. ' Tự thay quần áo khi bị ướt bản để vào đúng nơi quy định.</p>	2
2. LĨNH VỰC NHẬN THỨC					
a) Khám phá khoa học					

37		Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng (động vật, thực vật, hiện tượng tự nhiên); hay đặt câu hỏi về đối tượng có ở địa phương.	<p>* 3,5 T:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Chức năng các giác quan và (một số 3T, các bộ phận khác của cơ thể 5T. ` Đặc điểm nổi bật (3,5t)/ đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi 5t. ` Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây cối có ở địa phương (gần gũi 3T) ` Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối gần gũi có ở địa phương. ` Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> ` Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. ` Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. ` Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. ` Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. ` Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. ` Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày 	1->8
38	3	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng có ở địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm thí nghiệm thả bóng và viên sỏi vào nước để biết được vật chìm vật nổi - Làm thí nghiệm quá trình phát triển của cây, điều kiện sống của một số loại cây. - Làm thí nghiệm sự bốc hơi của nước nóng 		6,8
39		Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng có ở địa phương. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. 		1,3,5,6,7,8
40		Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có			

		<p>sự gọi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng gần gũi với trẻ.</p>	<p>- Quá trình phát triển của cây, con vật điều kiện sống của một số con vật. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</p>		
41		<p>Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của các đối tượng được quan sát có ở địa phương với sự gọi mở của cô giáo.</p>			
42	5	<p>Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng (động vật, thực vật, hiện tượng tự nhiên) có ở địa phương; như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...</p>	<p>Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. ` Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. ` Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. ` So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng ` Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc phù hợp với điều kiện sống của trẻ và phân loại theo (2-3 dấu hiệu). ` So sánh sự khác nhau và giống nhau (của 2/một số) con vật, cây, hoa quả quen thuộc, gần gũi với trẻ có ở địa phương. ` Một số hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh, gió Lào theo mùa, trái đất nóng lên và ảnh hưởng của nó</p>	1->8	
43		<p>Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và</p>			

	thảo luận về đặc điểm của đối tượng gần gũi xung quanh trẻ.		đến sinh hoạt của cuộc sống thực tế của trẻ Thứ tự các mùa, sự thay đổi của con vật, cây theo mùa.	5,6,8
44	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận nội dung khám phá xung quanh môi trường sống của trẻ. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.		` Sự khác nhau giữa ngày và đêm Mặt trời, mặt trăng ` Các nguồn nước trong môi trường sống (Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày: Nước giếng, sông, suối, khe núi...) ` Một số đặc điểm, tính chất của nước. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước (Sông, suối, ao, bể nước...) ` Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, động vật và thực vật (một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày)	
45	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về đối tượng có ở địa phương.			1,3,5,6,7,8
46	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát về đối tượng			

		gắn gũi với trẻ.			
47	3	Trẻ có thể phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.		1,3,5,6
48		Trẻ biết phân loại các đối tượng (có ở địa phương) theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số		
49	5	Trẻ có khả năng loại một đối tượng (có ở địa phương) không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.	con vật, cây, hoa, quả. con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại một số phương tiện giao thông theo 2 – 3 dấu hiệu	` Loại một đối tượng không cùng nhóm.	5,6
50	3	Trẻ có thể nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc khi được hỏi.	` Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống khi có thiên tai và biến đổi khí hậu.	` Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	5,6,8
51	5	Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi với trẻ. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.		` Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. ` Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	1,5,6,8

52	5	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây khi có biến đổi khí hậu. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. 	Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác.	7
53	3	Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi đóng vai bác sĩ, nấu ăn, bán hàng... - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, cắt, xé dán, nặn về con vật, cây, hoa, quả, đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.. 		5,6
54	5	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...			

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

55	3	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	<p>* 3,5 T:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Đếm trên đối tượng/đếm trong phạm vi (5; 10) và đếm theo khả năng. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số điện thoại, biển số xe, số trên lịch, trên đồng hồ số...). 	` Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi. - 1 và nhiều.	1,3,5,6,7,8,9
56		Trẻ có khả năng đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5			
57		Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
58		Trẻ biết quan			

		tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...		đôi tượng có mối liên quan	8,9
59		Trẻ biết đếm trên đôi tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.			
60		Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đôi tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.			
61	5	Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.		` Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10	1,3,5,6,8,9
62	3	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đôi tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.		` Gộp hai nhóm đôi tượng và đếm. ` Tách một nhóm đôi tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	3,5,7,9
63		Trẻ biết tách một nhóm đôi tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.			
64	5	Trẻ biết gộp các nhóm đôi tượng trong phạm vi 10 và đếm.		` Gộp/tách các nhóm đôi tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	
65		Trẻ biết tách một nhóm đôi tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách			

		khác nhau.			
66	5	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.		Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (biển số xe,...)	3,7
67	3	Trẻ có khả năng nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	` So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	` Xếp xen kẽ.	4
68		Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.			
69	5	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.			
70		Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp			
71	3	Trẻ có khả năng so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.		So sánh 2 đối tượng về kích thước.	6.8
72	5	Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.		Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. ` Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	
73	3	Trẻ có thể nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	* 3, 5 tuổi: Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.	4.7
74	5	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai		` Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. ` Nhận biết, gọi tên khối	

		khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật.		cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế.	
75	3	Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân		Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	2
76	5	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.		` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái). Với một vật nào đó làm chuẩn.	2
77	5	Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.		` Gọi tên các thứ trong tuần; các mùa trong năm	8
C) Khám phá xã hội					
78	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.		` Tên, tuổi, giới tính của bản thân.(giáo dục giới và giới tính, bình đẳng giới công bằng giới...)	2,3
79	5	Trẻ nói được họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.		` Họ tên, ngày sinh giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân (giáo dục giới và giới tính, bình đẳng giới, công bằng giới...) và vị trí của trẻ trong gia đình.	
80	3	Trẻ nói được tên của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình.		' Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	3,4
81		Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia			

		đình.			
82	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.		' Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích (ăn uống, các hoạt động....) của các thành viên trong gia đình; Quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	
83		Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi trò chuyện.			
84	3	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		" Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. ' Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp các hoạt động của trẻ ở trường mầm non Xã Pa Thom.	1
85	5	Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		` Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường (điểm trường) " Đặc điểm, sở thích của các bạn (ăn uống, khả năng của bản thân...); Các hoạt động của trẻ ở trường, lớp.	
86		Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường (điểm trường) khi được hỏi, trò chuyện.			
87		Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.			

88	3	Trẻ có thể kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh.	<p>` Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến ở địa phương. Nghề giáo viên, nghề bộ đội, nghề nông, nghề y...</p> <p>` Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. Nghề giáo viên, nghề bộ đội, nghề nông, nghề y... Nghề truyền thống: Nghề dệt thổ cẩm, đan lát...của địa phương. nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."</p>	4
89	5	Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. ví dụ: nói "nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."		
90		Trẻ có thể kể tên một số lễ hội: ngày khai giảng, tết trung thu, tết lúa mới của dân tộc Khơ Mú ...qua trò chuyện, tranh ảnh.	<p>` Cờ tổ quốc: Cờ đỏ sao vàng, tên của di tích lịch sử (Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ Xã Pa Thom, hầm Đờ cát, Đồi A1...)</p> <p>‘ danh lam, thắng cảnh (Thủy điện nậm núa, động Pa Thom...),</p> <p>‘ ngày lễ hội (Ngày khai giảng, tết trung thu, tết lúa mới của dân tộc Khơ Mú...) của địa phương.</p>	1,4,5,6,7,9
91	3	Trẻ có thể kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương: Thủy điện nậm núa, động Pa Thom...	<p>` Đặc điểm nổi bật của một số tích lịch sử (Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ Xã Pa Thom, hầm Đờ cát, Đồi A1...)</p> <p>‘ danh lam, thắng cảnh (Thủy điện nậm núa, động Pa Thom...),</p> <p>‘ ngày lễ hội (Ngày khai giảng, tết trung thu, tết lúa mới của dân tộc Khơ Mú...) sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.</p>	
92	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. ví dụ nói: "Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...".		
93		Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét		

		đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước			
3. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ					
94	3	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ "Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ"	* 3,5T ` Hiểu và làm theo (yêu cầu đơn giản; 2-3 yêu cầu; 2-3 yêu cầu liên tiếp)		4,5
95	5	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái",...			
96	3	Trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi; quần áo, đồ chơi, hoa, quả...		` Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng, gần gũi, quen thuộc	1,3,5,6,7
97	5	Trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (Đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)		` Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.	
98	3	Trẻ có thể lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	* 3,5 T: Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng (câu phức 5T)	Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?"	3,5,6, 7
99	5	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người		` Trả lời và đặt các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì	

		đổi thoại		giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?". ` Đặt các câu hỏi: "Tại sao?"; "Như thế nào?"; "Làm bằng gì?".	
100		Trẻ có khả năng nói rõ các tiếng	<ul style="list-style-type: none"> ` Phát âm các tiếng của tiếng việt; 5T có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu). - Kể lại sự việc theo trình tự. - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng 		1->9
101	3	Trẻ có thể sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...			
102	5	Trẻ có khả năng kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.			
103		Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.			
104	3	Trẻ có khả năng sử dụng được câu đơn, câu ghép.		Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn (câu đơn mở rộng: câu đơn ghép)	1->9
105	5	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...		Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu đơn ghép khác nhau.	
106	3	Trẻ có thể kể lại được những sự việc đơn giản đã ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	*3,5t - Kể thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện		6,7
107	5	Trẻ có thể miêu			

		tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.			
108	3	Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao của địa phương, mang đặc trưng của địa phương.	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè của địa phương, mang đặc trưng của địa phương.		1,2,3,4,5,6,8,9
109	5	Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.			
110		Trẻ biết đọc diễn cảm bài thơ, cao dao, đồng dao..			
111	3	Trẻ có khả năng kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	` Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi ` Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. ` Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	` Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe.	2,3,4,5,6,9
112		Trẻ biết kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự nhất định			
113	5	Trẻ có khả năng kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.			
114	3	Trẻ có khả năng bắt trước giọng nói của nhân vật trong truyện.		` Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên	3

115	5	Trẻ có khả năng đóng được vai của nhân vật trong truyện.		` Đóng kịch	
116	3	Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.	` Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.		4,9
117	5	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.			
118	3	Trẻ biết sử dụng các từ: "Vâng ạ" "Dạ"; "Thưa"...trong giao tiếp	- Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	` Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	1,3,4
119	5	Trẻ biết sử dụng các từ: " cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; "Thưa"; "Dạ"; "Vâng"...phù hợp với tình huống.		' Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.	
120	3	Trẻ có thể đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	* 3,5T: ` Xem và đọc các loại sách khác nhau. ` Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu	` Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem sách và đọc truyện.	2,5,6,7,9
121		Trẻ biết chọn được sách để "đọc" và xem.			
122	5	Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.		` Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách. ` "Đọc" truyện qua các tranh vẽ.	
123		Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách		` Giữ gìn Bảo vệ sách	
124	3	Trẻ có thể nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.		" Xem tranh và " đọc" truyện	4,8,9
125	5	Trẻ biết kể		" Đọc" truyện qua các	

		truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.		tranh vẽ.	
126	5	Trẻ có khả năng nhận ra được ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, biển báo giao thông...		Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra vào, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	1,7
127	3	Trẻ thích vẽ, "Viết" nguệch ngoạc.		` Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	1->9
128	5	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.		` Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.` Tập tô, tập đồ các nét chữ. ` Nhận dạng chữ cái (1 số chữ cái, các chữ cái).	
129		Trẻ biết nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.			

4. LINH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI

130	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Nói được thông tin quan trọng như: họ tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	` Tên, tuổi, giới tính	2
131	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.		Thực hiện thông qua nội dung khám phá xã hội (linh vực PT nhận thức)	2,3
132	3	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	` Những điều bé thích , không thích.	2
133	5	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và việc bé không làm được.		` Sở thích, khả năng của bản thân.	
134		Trẻ nói được		` Điểm giống khác nhau	2

		mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).		của mình với người khác.	
135		Trẻ biết mình là con/cháu/ anh/chi/ em trong gia đình.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.(giúp đỡ ông bà, bố mẹ, cô giáo những công việc vừa sức: quét nhà, phơi khăn, kê bàn ghế...)	` Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	3
136		Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.			
137		Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.		` Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. " Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến.	1
138		Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)		Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	1
139		Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.		- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động	5
140	3	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản khi được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)			
141	3	Trẻ có thể nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	* 3, 5 tuổi: ` Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận/ngạc nhiên/ xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói		2
142	5	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận,		Nhận biết một số trạng thái cảm xúc qua tranh ảnh; âm nhạc	

		ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.			
143	3	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.		` Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	2,3
144		Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.		` Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	
145	5	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.		Mối liên hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	
146		Trẻ có thể nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân		` Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	
147	3	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	* 3, 5 tuổi: - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) " Kính yêu Bác Hồ " Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội Thủy điện Nậm Núa, động Pa Thom, di tích lịch sử Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ xã Pa Thom, hầm Đờ Cát, đồi A1... của địa phương, quê hương, đất nước.		9
148		Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.			
149		Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc..).			
150	5	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.			
151	5	Trẻ biết một vài	` Quan tâm đến di tích lịch sử Đài tưởng niệm		9

		cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn..) của quê hương, đất nước	các anh hùng liệt sĩ xã Pa Thơm, hầm Đờ Cát, đồi A1.... Của địa phương, quê hương, đất nước.	
152	3	Trẻ có khả năng thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	* 3, 5T: ` Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)	1,3,7
		Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.		
154	3	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép (với ông bà, bố, mẹ, cô giáo, người lớn tuổi)	1
155	5	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép		
156	5	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	1
157		Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		

158	3	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn (giúp đỡ bạn khi bị ngã, biết, không tranh đồ chơi của bạn)	` Chơi hòa thuận với bạn.	4,8
159	5	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.		` Quan tâm giúp đỡ bạn chia sẻ	
160	5	Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận (xếp hàng rửa tay, khi đi vệ sinh)		4
161		Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).			
162	3	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	` Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. - Giữ gìn vệ sinh môi trường (không vứt rác bừa bãi, bỏ rác vào đúng nơi quy định, không ngắt lá bẻ cành) - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng,sai”, “tốt,xấu”	Nhận biết hành vi "đúng"- "sai", "tốt"- "xấu".	5,6
163	5	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.		Phân biệt hành vi "đúng"- "sai", "tốt"- "xấu".	
164	3	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	Giữ gìn vệ sinh môi trường.		4,8
165	5				
166	5	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	* 3,5T: - Tiết kiệm điện, nước (biết tắt quạt, bóng điện khi không dùng, biết khóa vòi nước khi đã dùng xong)		3,8
167	5	Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân			

5. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

168		Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng	<p>· Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.</p>		6,8
169	3	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	<p>- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).</p> <p>- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc các điệu múa đặc sắc của địa phương, vùng miền như: Inh lá ối, xòe hoa... thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</p>		
170	5	Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	" Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	
171		Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.			
172	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát		· Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi,	1->9

		theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.		dân ca)	
173	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.		` Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. ` Nghe và nhận ra/ nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)	
174	3	Trẻ có khả năng hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát quen thuộc.	3-5T: Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. (Nhạc thiếu nhi, các bài hát đặc sắc của địa phương vùng miền)		1,2,3,4, 5,6,9
175	5	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...		Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát	
176	3	Trẻ có khả năng vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	*3,5T: - Vận động theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc (đơn giản;5T nhịp nhàng - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. (5T theo tiết tấu).		1->9
177	5	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái,		` Thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	

		nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).			
178	3	Trẻ có khả năng sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương như: Rơm, chai, lọ, hạt ngô, hạt đỗ, ... phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	` Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	1,2,3,5,6,7,8,9
	5	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.		` Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	
180	3	Trẻ có kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.		` Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm (3T đơn giản,	1,2,5,7
	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	
182	3	Trẻ có kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.		` Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản	5,6,8
	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	
184	3	Trẻ có kỹ năng lăn dọc, xoay		` Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản	2,3,5,6,9

		tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.		phẩm đơn giản.	
185	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.		Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước/hình dáng/ đường nét và bố cục.	
186	3	Biết biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.		` Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản	5,7
187	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	
188	3	Trẻ biết nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	*3,5t ` Nhận xét sản phẩm tạo hình;5T: nhận		7,9
189	5	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét, bố cục 5t		
190	3	Trẻ có khả năng vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.		` Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	1,2,3,5,7
191	5	Trẻ có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.		` Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. ` Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn).	
192		Trẻ có khả năng gõ đệm bằng			

		dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.			
193	3	Trẻ có khả năng tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.		` Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	9
194	5	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.		- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	
195	3	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.		` Đặt tên cho sản phẩm của mình.	8,9
196	5				

GIÁO VIÊN 1

GIÁO VIÊN 2

BAN GIÁM HIỆU

Phạm Thị Giang

Đào Thị Sinh

Vũ Thị Nhớ

II. DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN (LỚP MGG 3-5T XA CUÔNG)

Thời gian (Tháng, từ ngày... đến ngày...)	ST T	Chủ đề	Ngày/ tháng	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Điều chỉnh bổ sung
Tháng 9 Từ 9/9-27/9/2024	1	Trường Mầm non - tết trung thu	9/9 - 13/9	Trường mầm non của bé	1	` Bé vui đón tết trung thu 15/8 âm lịch	3
			16/9-20/9	Tết trung thu của bé	1		
			23/9 - 27/9	Lớp học, đồ dùng, đồ chơi của bé	1		
Tháng 10 Từ 30/9 - 18/10/2024	2	Bé biết gì về bản thân	30/9 - 4/10	Bé giới thiệu về mình	1		3
			7/10 - 11/10	Cơ thể kỳ diệu của bé	1		
			14/10 - 18/10	Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1		
Tháng 10+11 Từ 21/10-8/11/2024	3	Tổ ấm Gia đình	21/10 - 25/10	Gia đình và những người thân yêu của bé	1		3
			28/10 - 01/11	Ngôi nhà của bé	1		
			4/11 - 8/11	Đồ dùng trong gia đình bé	1		
Tháng 11+12 Từ 11/11-6/12/2024	4	Các nghề phổ biến - Ngày hội của cô giáo	11/11 - 15/11	Nghề truyền thống ở địa phương	1	Ngày 20/11	4
			18/11 - 22/11	Ngày hội của cô giáo	1		
			25/11 - 29/11	Bác thợ xây	1		
			02/12 - 6/12	Một số nghề phổ biến	1		

Tháng 12+01 Từ 9/12 - 10/01/2025	5	Thế giới động vật - ngày 22/12	9/12 - 13/12	Động vật nuôi trong gia đình	1	Tết dương lịch	5
			16/12 - 20/12	Ngày TLQĐNDVN 22/12	1		
			23/12 - 27/12	Động vật sống trong rừng	1		
			30/12 - 3/1	Động vật dưới nước	1		
			6/01 - 10/1	Côn trùng - chim	1		
Tháng 01+02 Từ 13/01- 21/02/2025	6	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân	13/1- 17/1	Cây xanh - sự phát triển của cây	1	Bé vui đón tết nguyên đán	5
			20/1 - 24/1	Bé vui đón tết và mùa xuân	1		
			27/1- 31/1	Nghỉ tết nguyên đán			
			3/2 - 7/2	Một số loại hoa	1		
			10/2 - 14/2	Một số loại quả	1		
			17/2 - 21/2	Một số loại rau (nếu có tuần lễ dinh dưỡng sẽ thay vào tuần này)	1		
Tháng 02+03 Từ 24/02- 21/3/2025	7	Phương tiện và các quy định GT – Ngày hội 8/3	24/2 - 28/2	Phương tiện giao thông đường bộ	1	Ngày hội của bà, mẹ, cô giáo 8/3	4
			3/3 - 7/3	Ngày hội 8/3	1		
			10/3 - 14/3	Phương tiện giao thông đường thủy, đường hàng không, đường sắt.	1		
			17/3 - 21/3	Một số quy định giao thông	1		
Tháng 03+04 Từ 24/3- 11/4/2025	8	Một số hiện tượng tự nhiên quanh	24/3 - 28/3	Nước cần cho bé.	1	Giỗ tổ Hùng Vương	3
			31/3 - 4/3	Các hiện tượng tự nhiên	1		
			7/4 - 11/4	Mùa hè kỳ diệu	1		

		bé					
Tháng 04+ 05 Từ 14/4- 23/5/2025	9	Quê huong - Đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học	14/4 - 18/4	Bản làng quê em	1	30/4 ; 1/5	4
			21/4- 25/4	Bé yêu Quê hương, đất nước	1		
			28/4 - 2/5	Tuần ôn			
			5/5 -9/5	Trường tiểu học	1		
			12/5 - 16/5	Bác Hồ kính yêu	1		
			19/5 - 23/5	Tết thiếu nhi	1		
					35		